



CỤC DÂN SỐ

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TW CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XII về công tác dân số trong tình hình mới

▶ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH, QUAN ĐIỂM NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TW

Ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới.

Quan điểm Nghị quyết nêu rõ: “Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững”.

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh

về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

▶ MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TW ĐẾN NĂM 2030

Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số 104 triệu người. Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị, miền núi và đồng bằng; 50% số tỉnh đạt mức sinh thay thế; mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc có rất ít người.

Tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%; tỉ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH

MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

Tỉ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; giảm 50% số cặp tạo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

Chiều cao người Việt Nam 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ đạt 157,5 cm. Chỉ số Phát triển con người (HDI) nằm trong nhóm 4 nước hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

Tỉ lệ dân số đô thị đạt trên 45%. Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

▶ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TW

✔ **Cấp ủy, chính quyền các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW đạt kết quả tích cực;** bước đầu tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân về công tác dân số, nhất là tư duy thay đổi từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển góp phần đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

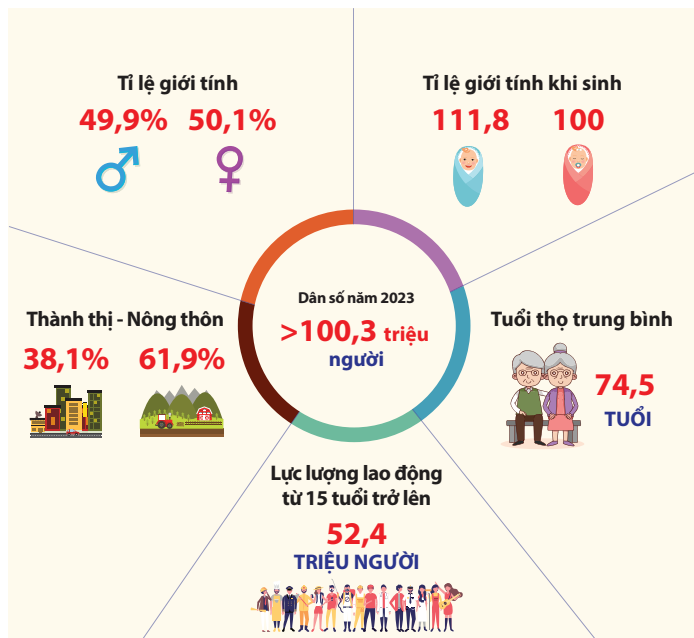
✔ **Công tác tuyên truyền, vận động về dân số đã có nhiều đổi mới** về nội dung, hình thức thực hiện. Nhiều cơ quan, đơn vị đã thực hiện chuyển đổi số để tuyên truyền, phổ biến, vận động thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số.

✔ **Một số chỉ tiêu đạt được kết quả cao, tiệm cận mục tiêu Nghị quyết số 21-NQ/TW đặt ra,** góp phần giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề dân số, nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân.

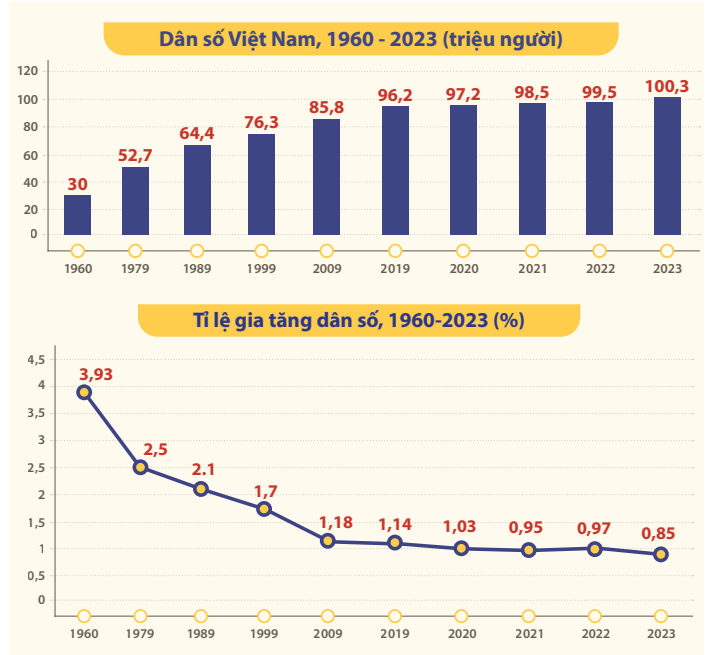
✔ **Các cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số được từng bước hoàn thiện.** Nhiều cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số được ban hành, trong đó có nhiều chính sách, giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 21-NQ/TW.

✔ **Mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số được từng bước phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ về dân số.** Nhiều chương trình, đề án đã được ban hành, thực hiện nhằm đầu tư nguồn lực của Nhà nước, huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, bảo đảm các nhóm dân số đặc thù đều thực sự bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

✔ **Nguồn lực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 21-NQ/TW, thực hiện các chương trình, đề án theo Nghị quyết số 137-NQ/CP của Chính phủ bước đầu được bố trí một phần.** Tổ chức bộ máy làm công tác dân số được sắp xếp lại. Hợp tác quốc tế bước đầu tranh thủ được sự hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật, tài chính, kinh nghiệm của các nước, các tổ chức quốc tế.



Nguồn: TCTK, Niên giám thống kê 2023



Nguồn: TCTK, Điều tra biến động DS-KHHGD thời điểm 1/4 hàng năm
Tổng Điều tra Dân số & Nhà ở 1979, 1989, 1999, 2009, 2019

Quy mô dân số đạt mốc hơn **100,3 triệu người năm 2023**. Việt Nam là quốc gia đông dân thứ ba trong khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 15 trên thế giới. Mức sinh đang có xu hướng giảm xuống dưới mức sinh thay thế, từ 2,11 con/phụ nữ (năm 2021) xuống còn 2,01 con/phụ nữ (năm 2022) và năm 2023 là 1,96 con/phụ nữ. Dân số đã có sự phân bố hợp lý hơn, gắn với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực. Dân số trong độ tuổi lao động tăng mạnh lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 52,4 triệu người. Tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh còn cao, tỷ lệ giới tính khi sinh 111,8 bé trai/100 bé gái sinh ra sống năm 2023. Chất lượng dân số được cải thiện về nhiều mặt, tuổi thọ trung bình tăng nhanh đạt 74,5 tuổi năm 2023, nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên tăng nhanh, từ 11,9% năm 2019 lên 13,9% vào năm 2023¹. Tình trạng suy dinh dưỡng, tử vong bà mẹ, trẻ em giảm mạnh. Tỷ lệ người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế tính đến 30/6/2023 đạt 95%². Tầm vóc, thể lực người Việt Nam cải thiện, chỉ số HDI của Việt Nam đứng ở vị trí 115/191 quốc gia³.

Trong giai đoạn tới nhiều nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục được chú trọng thực hiện như:

- 1 Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp.
- 2 Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số.
- 3 Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số.
- 4 Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số.
- 5 Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số.
- 6 KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số.
- 7 Tăng cường hợp tác quốc tế.

(1) <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-dan-so-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2023/>

(2) BHXH Việt Nam (2023), Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW

(3) UNDP (2023), Báo cáo Phát triển con người 2023

► CHỈ THỊ SỐ 27/CT-TTG BAN HÀNH NGÀY 15/8/2024 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, Chính phủ luôn quan tâm đến công tác dân số và đã ban hành nhiều văn bản quan trọng để định hướng cho công tác dân số, trong đó có Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây viết tắt là Nghị quyết 21-NQ/TW), Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết 137/NQ-CP).

Công tác dân số được cả hệ thống chính trị quan tâm, được các cấp, các ngành, các địa phương tập trung triển khai thực hiện, được Nhân dân đồng tình ủng hộ và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp vào những thành tựu chung của đất nước. Tuy nhiên, công tác dân số hiện nay có những tồn tại, hạn chế, bất cập như: mức sinh thay thế chưa thực sự bền vững; chưa có giải pháp đồng bộ, toàn diện thích ứng với già hóa dân số; tuổi thọ trung bình cao nhưng số năm sống khỏe mạnh thấp; chất lượng dân số chậm được cải thiện. Nguyên nhân chính của những hạn chế, tồn tại trên do một số cơ chế, chính sách về dân số chậm được bổ sung, hoàn thiện; việc tổ chức thực hiện chưa kịp thời, hiệu quả; đầu tư nguồn lực, nhân lực làm công tác dân số chưa tương xứng; một số địa phương có mức sinh giảm dưới mức sinh thay thế,...

Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về công tác dân số, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:



1. Bộ Y tế:

a) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, nhất là các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế bền vững, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số.

b) Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số, trọng tâm là các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế bền vững trên phạm vi cả nước phù hợp giữa các vùng, đối tượng dân cư và số lượng, chất lượng dân số; đẩy nhanh tiến độ xây dựng Luật Dân số, báo cáo Chính phủ theo chỉ đạo tại Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Khẩn trương thực hiện việc kiện toàn nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp tại Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.



2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, giải pháp của Đảng, Nhà nước về công tác dân số, nhất là các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế bền vững, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo chương trình, đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản để triển khai đồng bộ, hiệu quả chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, nhất là các địa phương có mức sinh thấp dưới mức sinh thay thế.

c) Rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân lực làm công tác dân số; bố trí đủ nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác dân số tại địa phương.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan báo chí tăng cường thực hiện truyền thông về công tác dân số, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số.

5. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tăng cường tuyên truyền cho các thành viên, hội viên thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số; tham gia giám sát việc thực hiện chính sách dân số theo quy định.

6. Ban Chỉ đạo Quốc gia Dân số và Phát triển tăng cường tham mưu, đề xuất, kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền các cơ chế chính sách, giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác dân số và phát triển.

▶ NHỮNG KIẾN NGHỊ QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VIỆT NAM BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Trích Tham luận của giáo sư Nguyễn Thiện Nhân - Đại biểu Quốc hội khóa XV tại Hội thảo Quốc tế tham vấn chính sách, giải pháp ngăn chặn xu hướng mức sinh thấp năm 2024)

Hiện nay Việt Nam đang ở thời kỳ dân số vàng, tạo ra những lợi thế to lớn cho quá trình phát triển kinh tế, xã hội; phân bố dân số đã hợp lý hơn; chất lượng nguồn nhân lực, chỉ số phát triển con người ngày càng được cải thiện;

tuổi thọ bình quân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu Chiến lược dân số bền vững đến năm 2030, cần quán triệt sâu sắc và triển khai đầy đủ các quan điểm và chính sách sau:

4 QUAN ĐIỂM VỀ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ VÀ ĐẤT NƯỚC BỀN VỮNG

1 Phát triển con người Việt Nam bền vững là tiền đề hàng đầu để phát triển đất nước, phát triển kinh tế và xã hội bền vững.



2 Cần thống nhất: Vai trò không thể thay thế được của gia đình hạnh phúc đối với việc phát triển lao động, dân số bền vững, đất nước hạnh phúc và các điều kiện cần thiết để gia đình hạnh phúc, mỗi gia đình sinh từ 2 con trở lên, đảm bảo vững chắc tổng tỉ suất sinh thay thế.



3 Các chính sách của chính phủ, các biện pháp của doanh nghiệp, việc giáo dục hạnh phúc ở nhà trường để phòng ngừa suy thoái lao động, dẫn tới gia đình tan rã phải được ban hành và thực hiện từ sớm.



4 Cần khẳng định: kết hôn và sinh con là quyền tự do của công dân, song người Việt Nam yêu nước có trách nhiệm sinh con để đất nước không tự tiếu vong và phát triển bền vững.



11 GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ, ĐẤT NƯỚC BỀN VỮNG, GIA ĐÌNH VÀ NGƯỜI DÂN HẠNH PHÚC

1 Chính phủ, các doanh nghiệp và người lao động (Công đoàn) cần thống nhất nhận thức và giải pháp để gia đình có 2 người đi làm có đủ thu nhập để nuôi dạy, cho học hành đàng hoàng 2 người con. (Cần chuyển từ quy định lương tối thiểu sang quy định lương đủ sống tối thiểu cho gia đình 4 người).



2 Thời gian làm việc của người lao động phải đủ ngắn (8 giờ lao động/ngày, 40 giờ/tuần) để họ có thời gian tìm bạn đời, chăm sóc con cái, gia đình và sở thích riêng tư.



3 Cần có thị trường nhà ở có tính cạnh tranh, hỗ trợ người lao động có thể thuê hoặc mua được nhà với giá cả chấp nhận được, để việc không có nhà không trở thành 1 điều kiện không thể vượt qua khi kết hôn.



4 Nhà nước có chương trình hỗ trợ thiết thực các cặp vợ chồng vô sinh sinh con.



5 Các gia đình tự quyết định số con và thời điểm sinh con. Phát triển hệ thống tư vấn chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ sinh sản.



6 Chia sẻ trách nhiệm giữa vợ và chồng trong việc làm việc nhà, nuôi dạy con, thực hiện bình đẳng giới thực sự.



7 Xây dựng môi trường xã hội thân thiện với trẻ em, người mẹ và gia đình để đất nước phát triển bền vững về lao động và dân số.



8 Cần dạy môn Hạnh phúc học của người Việt Nam ở các bậc học. Cần xây dựng báo cáo về chỉ số hạnh phúc của người Việt Nam ở 63 tỉnh, thành phố và cả nước công bố 2 năm một lần.



9 Cần phát huy truyền thống văn hoá của người Việt Nam, sáng kiến cộng đồng địa phương để kết hôn và sinh con đem lại hạnh phúc không thể thay thế cho đời người, là niềm tự hào khi làm tròn trách nhiệm công dân.



10 Điều kiện làm việc, chế độ nghỉ khi có thai và sinh con, chế độ lương và thăng tiến ở doanh nghiệp phải khuyến khích việc lập gia đình và sinh con, không tạo ra xung đột giữa việc làm và gia đình, có con.



11 Cần thực hiện phổ cập giáo dục mầm non (trẻ từ 3 tháng tuổi đến 5 tuổi) để cha mẹ có điều kiện làm việc và phát triển ngay cả khi sau sinh và con còn nhỏ. Phát triển hệ thống giáo dục công lập và ngoài công lập để phổ cập tiểu học, trung học cơ sở và phổ cập nghề.



Với việc trở thành nước có thu nhập trung bình và trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 diễn ra sôi động, Việt Nam có chỉ số phát triển con người cao và có kinh nghiệm hơn 60 năm triển khai công tác dân số, việc thực hiện Nghị quyết số 21- NQ/TW với môi trường thuận lợi sẽ góp phần thực hiện thành công những quan điểm của Đảng về công tác dân số trong tình hình mới.

ĐẦU TƯ CHO CÔNG TÁC DÂN SỐ LÀ ĐẦU TƯ CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG